Name: .....

GRAMMAR REVISION 1

Question 1: It's unnecessary / It's not necessary là dấu hiệu nhận diện của_____.
A. needn't **B.** must **C.** should **D.** have to

Question 2: It's obligatory/ It's compulsory/ It's required/ I'm sure là dấu hiệu nhận diện của_____.
A. needn't **B.** must **C.** should **D.** have to

Question 3: You are not allowed/ You are not permitted / It's against the rule /It's against the law là dấu hiệu nhận diện của_____.
A. needn't **B.** must **C.** should **D.** mustn't

Question 4: perhaps/ maybe/ not sure/ possibly/I'm not sure là dấu hiệu nhận diện của_____.
A. needn't **B.** must **C.** may/might **D.** mustn't

Question 5: Hình thức động từ nào dưới đây là hình thức động từ bị động?
A. was built **B.** built **C.** build **D.** is building

Question 6: draw/ get/attract s.o's _____
A. attention **B.** attraction **C.** intention **D.** provision

Question 7: full s.o's _____.
A. leg **B.** teeth **C.** face **D.** arm

Question 8: Từ nào sau đây đồng nghĩa với comment …..
A. remark **B.** reward **C.** compliment **D.** apology

Question 9: Từ nào sau đây có từ gây rối……
A. medical **B.** invention **C.** protect **D.** available

Question 10: Điền vào chỗ trống với hình thức thì phù hợp: Tương lai -S + will , S +…..
A. V2/ed **B.** Vo/Vs/Ves **C.** am is are + Ving **D.** will + Vo

Question 11: Điền vào chỗ trống với hình thức thì phù hợp: WHEN/WHILE+ S + V2/ED, S+…
A.had + V3/Ved **B.** will + Vo **C.** V2/ed **D.** was/were + Ving

Question 12: Phát biểu nào sau đây là đúng?
A. many/several/few + N(số nhiều) **B.** Much/Little + N (số nhiều)
C. Others + N (số nhiều) **D.** Each/Every + N (số nhiều)

Question 13: Khi chủ từ lời phát biểu là Someone, No one, Nobody... thì chủ từ câu hỏi đuôi là_____.
A.they **B.** he **C.** she **D.** it

Question 14: Khi chủ từ lời phát biểu là Something, Nothing, Everything... thì chủ từ câu hỏi đuôi là_____.
A.they **B.** he **C.** she **D.** it

Question 15: Mạo từ đứng trước GUITAR/VIOLIN/PIANO là_____.
A. a **B.** an **C.** x (no article) **D.** the

question 16: mạo từ đứng trước nghề nghiệp (teacher/doctor/singer/worker/farmer) là____.
a. a **b.** an **c.** x (no article) **d.** the

question 17: mạo từ đứng trước các từ breakfast/dinner/lunch/bus/Vietnam/physics/red/yellow là_____.
a. a **b.** an **c.** x (no article) **d.** the

Question 18: _____line: đường truyền
A. transaction **B.** translation **C.** transmission **D.** transfer

Question 19: Công thức đảo ngữ nào dưới đây là công thức đúng?
A. Hardly/ Scarcely + had + S + V3/ed + than + S + V2/ed.
B. Hardly/ Scarcely + had + S + V3/ed + when + S + V2/ed.

Question 20: Công thức đảo ngữ nào dưới đây là công thức đúng?
A. Only after + S + had + V3/ED + S + V2/ED.
B. Only after + S + had + V3/ED + did + S + Vo.

Question 21: Từ nào sau đây đồng nghĩa với temporary …..
A. constant **B.** permanent **C.** short-term **D.** long-term

LIVEWORKSHEETS

Question 22: On the _____track.

A. right **B.** exact **C.** correct **D.** precise

Question 23: get the bit between one's _____

A.teeth B. face C. mouth D. eye

Question 24: Square the _____

A. earth B. moon C. circle D. triangle

Question 25: A cold _____: = an unfriendly person

A. dog B. cat C. fish D. pig

Question 26: từ nào bên dưới mang nghĩa hoa hồng, tiền lời (%)

A.income B. interest C. profit D. expense

Question 27: Khi thấy các dấu hiệu: am/is/are/V1/s/es/does, can→ Công thức nào dưới đây là công thức đúng?

A. If only/ S +wish + S + V2/ed
B. If only/ S +wish + S + had +V3/ed
C. If + S + V2/ed , S +would/ could + V1
D. If + S + had +V3/ed , S +would/ could + V1
E. A & C

Question 28: Khi thấy các dấu hiệu: was/were/did/V2/ed, could→ Công thức nào dưới đây là công thức đúng?

A. If only/ S +wish + S + V2/ed
B. If only/ S +wish + S + had +V3/ed
C. If + S + V2/ed , S +would/ could + V1
D. If + S + had +V3/ed , S +would/ could have + V3
E. B & D

Question 29: các từ decide, hope, agree, expect, refuse, want đi với …

A.V-ing B. V2/ed C. to-V D. V0

Question 30: các từ suggest, mind, enjoy, avoid đi với …

A.V-ing B. V2/ed C. to-V D. V0

LIVEWORKSHEETS